



+ Hội Liên hiệp Phụ nữ chỉ đạo các huyện, thành hội và các đơn vị tích cực tham gia công tác bảo đảm ATTP gắn với cuộc vận động xây dựng gia đình "5 không, 3 sạch" gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh năm 2018, triển khai kế hoạch chỉ đạo điểm Đề án "Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017-2027" năm 2018 với chủ đề "*Phụ nữ thực hiện an toàn thực phẩm*" tại xã Phương Sơn huyện Lục Nam; duy trì và nhân rộng mô hình vệ sinh ATTP gắn với thực hiện cuộc vận động "Phụ nữ với cả nước thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm vì sức khỏe gia đình và cộng đồng"; các mô hình trồng rau sạch, chăn nuôi sạch; triển khai giám sát, nắm bắt kiến nghị của người lao động về chất lượng dinh dưỡng và ATTP đối với bữa ăn ca tại doanh nghiệp.

+ 100% Hội Nông dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai công tác an toàn thực phẩm dịp Tết Nguyên đán và mùa Lễ hội Xuân 2018, tập trung tuyên truyền phổ biến chuỗi thực phẩm an toàn, các sản phẩm truyền thống của địa phương, tác hại đối với sức khỏe người tiêu dùng và thiệt hại đối với nhà sản xuất, kinh doanh khi sử dụng chất cấm hoặc lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, kháng sinh, không sử dụng hóa chất độc hại để dể chín hoa quả...

## 2. Tuyên huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn

- Ban hành kế hoạch triển khai công tác bảo đảm ATTP Tết Nguyên đán Mậu Tuất và mùa Lễ hội Xuân năm 2018; duy trì Đội điều tra truy xuất nguồn gốc thực phẩm của huyện, thành phố; thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành, chuyên ngành về ATTP.

- Tăng cường chỉ đạo triển khai hoạt động truyền thông, kiểm tra liên ngành, chuyên ngành về ATTP đối với các cơ sở thực phẩm; triển khai các biện pháp phòng, chống ngộ độc thực phẩm và phòng chống dịch động vật.

## II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI

### 1. Công tác truyền thông

TT	Hoạt động	SL/ buổi	Số người tham dự/ phạm vi bao phủ
1	Họp cộng tác viên báo chí	0	0
2	Nói chuyện	549	26.597
3	Tập huấn	147	11.279
4	Hội thảo	3	145
5	Phát thanh (tỉnh, huyện, xã)	9.138	Toàn tỉnh
6	Truyền hình	17	Toàn tỉnh
7	Loa, đài ở thôn, khu phố	13.470	2495 thôn, bản
8	Báo viết; Báo điện tử	45	Độc giả báo Bắc Giang
9	Bản tin	250	Chi, đảng bộ và LHPN
10	Sản phẩm truyền thông:		
	- Băng rôn, khẩu hiệu	456	
	- Tranh áp - phích	4.312	
	- Tờ gấp	4.890	
	- Băng/đĩa hình, đĩa âm	230	
	- Khác (ghi rõ):...	0	

11	Hoạt động khác: hội thi, họp dân, sinh hoạt đoàn thể...	2.230	2.230 thôn, bản
----	---	-------	-----------------

Sở Y tế tổ chức hội nghị phổ biến, triển khai Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ tới các đơn vị thành viên BCĐLN về ATTP tỉnh; các đơn vị chức năng của ngành Y tế, NN&PTNT, Công Thương tuyến huyện, thành phố; Chi cục ATVSTP tổ chức 03 hội nghị phổ biến, triển khai Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ cho 160 doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Y tế quản lý.

Ngoài ra, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp tiếp tục duy trì và nhân rộng mô hình vệ sinh ATTP gắn với cuộc vận động "Phụ nữ cả nước thực hiện vệ sinh ATTP vì sức khỏe gia đình và cộng đồng", cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch" với 158.366 thành viên; vận động hội viên cam kết sản xuất, kinh doanh, sử dụng rau, thịt an toàn, đăng ký trồng vườn rau sạch, nuôi thả gà đồi bảo đảm an toàn; Hội Nông dân phối hợp với các đơn vị tuyên truyền được 100 cuộc cho trên 10.000 lượt cán bộ, hội viên nông dân về chủ trương của đảng, các quy định an toàn thực phẩm và các văn bản quy định sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi.

## 2. Công tác thanh tra, kiểm tra

### 2.1. Thành lập các đoàn kiểm tra

TT	Nội dung	Tuyển xã, phường	Tuyển huyện	Tuyển tỉnh	Cộng
1	Số đoàn thanh tra kiểm tra liên ngành	230	10	2	242
2	Số đoàn kiểm tra chuyên ngành	0	4	10	14
<b>Cộng</b>		<b>230</b>	<b>14</b>	<b>12</b>	<b>256</b>

### 2.2. Kết quả thanh tra, kiểm tra

TT	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở	Số CS được thanh, kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
1	Cơ sở giết mổ	927	192	173	90,1
2	Cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm	3.966	547	421	77,0
3	Cơ sở kinh doanh; thu gom thực phẩm	14.491	1483	1116	75,3
4	Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống	1.882	609	468	76,8
5	Bếp ăn tập thể	852	31	27	87,1
6	Cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố	700	228	171	75,0
<b>Cộng (1 - 6)</b>		<b>22.818</b>	<b>3.090</b>	<b>2.376</b>	<b>76,9</b>

#### \* Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm

TT	Tổng hợp tình hình vi phạm	Số lượng	Tỷ lệ % so với số được kiểm tra

1	Tổng số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	<b>3.090</b>	
2	Số cơ sở có vi phạm	714	23,1
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý	192	6,2
Trong đó:			
3.1 Hình thức phạt chính:			
	Số cơ sở bị cảnh cáo	34	1,1
	Số cơ sở bị phạt tiền	158	5,1
	Tổng số tiền phạt (triệu đồng)	437,85	
3.2 Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả			
*	Số cơ sở bị đóng cửa	1	0,1
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm	12	1,7
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành	25	
*	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm	12	1,7
	Tổng số loại sản phẩm bị tiêu hủy	25	
*	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn	02	0,2
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục	02	
*	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu q/cáo	0	0,0
	Số loại tài liệu q/cáo bị đình chỉ lưu hành	0	
*	Các xử lý khác	0	0
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý	0	0
3.4	Số cơ sở có vi phạm không xử lý (chỉ nhắc nhở)	522	16,9

**\* Các nội dung vi phạm chủ yếu**

TT	Nội dung vi phạm	Số CS được TTra, KTra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ %
1	Điều kiện vệ sinh cơ sở	3.090	533	17,2
2	Điều kiện trang thiết bị dụng cụ	3.090	493	15,9
3	Điều kiện về con người	3.090	369	11,9
4	Công bố hợp quy/phù hợp quy định ATTP	450	0	0,0
5	Ghi nhãn thực phẩm	768	6	0,8
6	Quảng cáo thực phẩm	25	0	0,0
7	Chất lượng sản phẩm thực phẩm	10	0	0,0
8	Vi phạm khác (ghi rõ)	0	0	0,0

Các đơn vị chức năng (Công an, QLTT...) đã khởi tố 01 vụ án, 01 bị can vi phạm sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực thực phẩm, tịch thu 1,2 tấn

mì chính giả, xử phạt vi phạm hành chính nộp ngân sách theo quy định; tịch thu, tiêu hủy 1.000 kg nằm lợn, 1,8 tấn dầu hào, nước tương, tương ớt, bột gia vị thực phẩm..., 30 chai rượu nhãn hiệu Chivas, 290 kg kẹo nhập lậu.

### 3. Kết quả xét nghiệm

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm mẫu		
		Tổng số mẫu xét nghiệm	Số mẫu đạt	Tỷ lệ % đạt
1	Xét nghiệm nhanh	338	336	99,4
2	Xét nghiệm tại labo	12	12	100,0
2.1	Hóa lý	5	5	100,0
2.2	Vi sinh	7	7	100,0
	<b>Cộng (1+2)</b>	<b>350</b>	<b>348</b>	<b>99,4</b>

### 4. Tình hình ngộ độc thực phẩm

TT	Chỉ số	Từ 08/01/2018 đến 02/4/2018	Số cùng kỳ năm trước	So sánh với cùng kỳ năm trước
1	Số vụ	0	0	=
2	Số mắc	0	0	=
3	Số chết	0	0	=

## III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

### 1. Ưu điểm

- Có sự chỉ đạo, điều hành triển khai công tác ATTP của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; các ban, ngành, đoàn thể đã chủ động, tích cực chỉ đạo, triển khai công tác QLNN về ATTP.

- Công tác thông tin truyền thông phổ biến kiến thức pháp luật về ATTP được các ngành, các cấp quan tâm triển khai, tăng cường chuyên tải các thông điệp về kiến thức, thực hành đúng về ATTP đến nhân dân trong tỉnh.

- Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về ATTP được các ngành, các cấp quan tâm, chỉ đạo thực hiện; có sự chuyên biến rõ nét hơn trong việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về ATTP tại tuyến tỉnh, huyện, thành phố; một số xã, phường đã áp dụng hình thức xử phạt hành chính đối với cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý có vi phạm về ATTP.

- Công tác phòng ngừa ngộ độc thực phẩm ở người và dịch bệnh trên đàn vật nuôi được các ngành, các cấp chủ động triển khai.

### 2. Tồn tại, hạn chế

- Số xã, phường, thị trấn chưa kiên quyết xử phạt các hành vi vi phạm về ATTP còn chiếm đa số, chưa tạo được sự chuyên biến rõ nét của các cơ sở sản

xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ trong việc chấp hành đúng quy định pháp luật về ATTP.

- Việc kiểm soát cơ sở giết mổ hộ gia đình; sản xuất rượu thủ công; sản xuất kinh doanh nông lâm, thủy sản nhỏ lẻ gặp nhiều khó khăn, tiềm ẩn nguy cơ mất ATTP.

- Ý thức chấp hành pháp luật về ATTP của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm chưa cao; điều kiện kinh tế của nhân dân còn ở mức thấp nên sự tự giác tham gia của người tiêu dùng thực phẩm đối với công tác ATTP còn hạn chế.

- Cán bộ làm công tác ATTP ở cấp huyện, xã chủ yếu là kiêm nhiệm, còn hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

#### **IV. KIẾN NGHỊ VỚI CÁC BỘ NGÀNH TRUNG ƯƠNG**

1. Tăng cường nguồn lực triển khai công tác quản lý nhà nước về ATTP tại các cấp; nhất là việc bố trí biên chế cán bộ chuyên trách ATTP ở tuyến cơ sở; có cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút cán bộ làm công tác ATTP như chế độ đặc thù nghề, chế độ độc hại...

2. Đầu tư xây dựng hệ thống kiểm nghiệm thực phẩm tại các tuyến để chủ động giám sát, phân tích, quản lý nguy cơ và kịp thời dự báo, khuyến cáo cho nhân dân về mối nguy ATTP.

3. Tăng cường tổ chức các lớp đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác quản lý ATTP tại các tuyến. /

**Nơi nhận:**

- Lưu: VT, NVY.

**Bản điện tử:**

- UBND tỉnh (B/cáo);
- Thanh tra Bộ Y tế (B/cáo);
- Cục ATTP - Bộ Y tế (B/cáo);
- Các cơ quan thành viên BCĐLN về ATTP tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Thanh tra Sở Y tế;
- Chi cục ATVSTP;
- PYT các huyện, TP.

**GIÁM ĐỐC**



**Ông Thế Viên**